

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

*Báo cáo tài chính tổng hợp  
cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012  
đã được soát xét*



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	02 - 04
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT</b>	05
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
<b>Bảng Cân đối kế toán tổng hợp</b>	06-08
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</b>	09-09
<b>Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</b>	10-10
<b>Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp</b>	11-24

VIỆT  
KẾ  
TOÁN  
CỔ  
PHẦN  
HÀ  
NỘI

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

### **Công ty**

Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng là Công ty cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 280/QĐ-BXD ngày 22/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 24 tháng 04 năm 2006.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung ứng cho thuê tàu biển;
- Kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh khai thác, chế biến các loại phụ gia và xi thải phục vụ cho sản xuất xi măng và các nhu cầu khác của xã hội.
- Kinh doanh phụ tùng ô tô và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Kinh doanh vận tải và dịch vụ vận tải;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, nhiên liệu (xăng, dầu, khí đốt);
- Kinh doanh các loại vật tư dùng cho ngành xi măng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106352 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 156.000.000.000 đồng (Một trăm năm sáu tỷ đồng).

### **Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty tại thời điểm lập báo cáo này gồm có

**Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lý Tân Huệ	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thuý Mai	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Ủy viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Ủy viên
Ông Trịnh Quang Hải	Ủy viên

**Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:**

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thuý Mai	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Phó Giám đốc
Ông Mai Thống Nhất	Phó Giám đốc

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Đức Trung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Kiên Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt	Thành viên

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Địa chỉ: Số 21B, Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban giám đốc 



**Nguyễn Thị Thúy Mai**

Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2012



Số 1637/BCKT/TC/NV7

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo Tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012  
của Công ty cổ phần Vicem Vật tư vận tải Xi măng

**Kính gửi:** Hội đồng quản trị,  
Ban Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vicem Vật tư vận tải Xi măng được lập ngày 18 tháng 07 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 và Thuyết minh báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư vận tải Xi măng tại ngày 30/06/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng tiền lưu chuyển cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các nguyên tắc kế toán chung được Việt Nam chấp thuận.



**Ngô Quang Tiến**  
Phó giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0448/KTV

**Trần Trí Dũng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0895/KTV

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, Ngày 08 tháng 08 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		943.665.993.468	670.825.848.421
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	223.609.115.491	158.410.985.384
111	I. Tiền		223.609.115.491	158.410.985.384
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		478.097.728.484	225.827.275.613
131	1. Phải thu khách hàng		475.199.388.559	223.805.731.389
132	2. Trả trước cho người bán		1.532.919.975	1.343.783.373
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác		1.415.668.450	728.009.351
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(50.248.500)	(50.248.500)
140	IV. Hàng tồn kho	4	225.915.214.390	267.809.303.369
141	1. Hàng tồn kho		225.915.214.390	267.809.303.369
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.043.935.103	18.778.284.055
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		7.365.811.919	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.480.055.348	18.294.907.360
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.198.067.836	483.376.695
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		277.512.612.694	137.769.460.999
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		276.107.963.871	134.688.583.739
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5	265.418.856.858	124.069.939.886
222	- Nguyên giá		433.198.563.879	251.492.269.745
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(167.779.707.021)	(127.422.329.859)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	6	-	263.500.000
228	- Nguyên giá		157.593.360	421.093.360
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(157.593.360)	(157.593.360)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	10.689.107.013	10.355.143.853
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.404.648.823	3.080.877.260
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.404.648.823	3.080.877.260
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.221.178.606.162</b>	<b>808.595.309.420</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>852.133.123.736</b>	<b>455.042.660.180</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>655.837.906.912</b>	<b>328.049.835.206</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	9	50.000.000.000	150.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		509.637.032.334	110.090.767.834
313	3. Người mua trả tiền trước		6.967.807.955	28.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	1.273.265.000	1.522.564.900
315	5. Phải trả người lao động		4.857.426.087	9.738.988.727
316	6. Chi phí phải trả	11	67.816.607.459	34.285.601.321
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	12	7.180.023.666	11.854.548.013
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.105.744.411	10.529.364.411
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>196.295.216.824</b>	<b>126.992.824.974</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	13	195.767.936.319	126.316.970.319
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		527.280.505	675.854.655
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>369.045.482.426</b>	<b>353.552.649.240</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	14	<b>369.045.482.426</b>	<b>353.552.649.240</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		156.000.000.000	156.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		128.662.547.973	128.662.547.973
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	278.015.417
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		52.561.167.032	52.561.167.032
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.641.139.657	10.641.139.657
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.409.779.161	5.409.779.161
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.770.848.603	-
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.221.178.606.162</b>	<b>808.595.309.420</b>



CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		880.916.365	880.916.365
5.	Ngoại tệ các loại - USD		1.624.907,69	1.203.896
	- EUR		320,62	320,62
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập

Trịnh Thị Hồng

Kế toán trưởng

Huỳnh Trung Hiếu



Nguyễn Thị Thúy Mai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	1.806.450.739.729	1.422.278.076.159
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ dịch vụ	16	1.806.450.739.729	1.422.278.076.159
11	4. Giá vốn hàng bán	17	1.567.346.377.965	1.248.508.124.511
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ dịch vụ		239.104.361.764	173.769.951.648
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	2.855.759.367	5.510.592.408
22	7. Chi phí tài chính	19	48.973.452.903	13.651.244.394
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		48.894.455.620	13.576.805.037
24	8. Chi phí bán hàng		162.349.519.333	143.447.569.099
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		14.930.301.003	7.410.455.123
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.706.847.892	14.771.275.440
31	11. Thu nhập khác		3.656.500.993	4.553.707.978
32	12. Chi phí khác		953.358.729	296.943.766
40	13. Lợi nhuận khác		2.703.142.264	4.256.764.212
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.409.990.156	19.028.039.652
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20	2.639.141.553	2.910.600.483
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		15.770.848.603	16.117.439.169
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)		885	915

Người lập

Trịnh Thị Hồng

Kế toán trưởng

Huỳnh Trung Hiếu

Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2012



Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Mai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

Theo phương pháp gián tiếp  
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
	1. Lợi nhuận trước thuế		18.409.990.156	19.028.039.652
	2. Điều chỉnh cho các khoản		87.032.777.850	34.109.749.360
02	- Khấu hao tài sản cố định		40.926.477.980	25.758.442.639
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.788.155.750)	(5.225.498.316)
06	- Chi phí lãi vay		48.894.455.620	13.576.805.037
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động		105.442.768.006	53.137.789.012
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(242.170.292.000)	(46.771.496.630)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		41.894.088.979	(40.068.848.872)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay, thuế TNDN)		428.967.834.427	162.894.558.945
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.689.583.482)	206.482.918
13	- Tiền lãi vay đã trả		(22.233.495.498)	(11.233.924.545)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.888.441.453)	(3.066.612.729)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.251.336.303	11.452.946.127
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.657.244.098)	(16.110.503.567)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>279.916.971.184</b>	<b>110.440.390.659</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác		(182.617.519.970)	(3.534.456.984)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác		807.047.273	166.090.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	70.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.788.155.750	5.076.184.748
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(179.022.316.947)</b>	<b>21.707.818.673</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		503.106.280.000	182.860.466.018
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(533.655.314.000)	(182.860.466.018)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.936.622.000)	(4.811.579.400)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(35.485.656.000)</b>	<b>(4.811.579.400)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>65.408.998.237</b>	<b>127.336.629.932</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>158.410.985.384</b>	<b>29.704.825.876</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(210.868.130)	(4.256.145)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>223.609.115.491</b>	<b>157.037.199.663</b>

Người lập biểu

Trịnh Thị Hồng

Kế toán trưởng

Huỳnh Trung Hiếu



Hà Nội, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Giám đốc

Nguyễn Thị Thúy Mai

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

*(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính tổng hợp)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng là Công ty cổ phần được chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 280/QĐ-BXD ngày 22/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty là thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 24 tháng 04 năm 2006.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 156.000.000.000 đồng (Một trăm năm sáu tỷ đồng).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 21B, Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 043 8457328/8457458  
Fax: 043 8457186

**Các chi nhánh của Công ty bao gồm:**

TT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Thạch	Xã Minh Tân, huyện Kim Môn, tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh	Khu 12, phường Hồng Hải, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
3	Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng	Số 20 đường Hà Nội, thành phố Hải Phòng
4	Chi nhánh Công ty tại Phả Lại	Thị trấn Phả Lại, tỉnh Hải Dương
5	Văn phòng đại diện tại Phú Thọ	Thị trấn Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
6	Chi nhánh Công ty tại Bim Sơn	Số 6 Nguyễn Huệ, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
7	Chi nhánh Công ty tại Hà Nam	Kiến Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
8	Chi nhánh Công ty tại Hoàng Mai	Xã Quỳnh Thiện, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
9	Chi nhánh Công ty tại Ninh Bình	Số 2 đường Hoàng Diệu, Tây Sơn, Ninh Bình
10	Đoàn Vận tải	Số 24 tổ 47 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí, nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung ứng cho thuê tàu biển;
- Kinh doanh vận tải biển trong nước và quốc tế;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

